

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 250/2017/HSPT

Ngày: 28/ 8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và ông Doãn Đình Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 195/2017/TLPT-HS ngày 03/7/2017 đối với bị cáo Bùi Đình T, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Bùi Đình T**, sinh năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Đình Đ và bà Nguyễn Thị Tr; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Đình H nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người bị hại: Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Eakar và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Eakar, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/12/2016, anh Nguyễn Trọng Q điều khiển xe mô tô biển số 47F1-235.60 đi đến nhà ông Nguyễn Hữu N tại thôn A, xã Y, huyện Z để dẫn chương trình đám cưới. Lúc đến nhà ông N, anh Q dựng xe ở mép đường bên phải, cách cổng vào nhà ông N khoảng 30m rồi đi vào đám cưới. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Bùi Đình T đi đến nhà ông N để chơi, đến khoảng 20

giờ 30 phút T đi ra ngoài cổng nhà ông N để đi vệ sinh thì phát hiện xe mô tô của anh Q dựng ở mép đường. T liền đi đến gần xe thì thấy yên xe không khóa nên dùng tay nhắc yên xe lên thấy trong cốp xe có chìa khóa xe, áo mưa và 01 đôi giày. T lấy áo mưa, giày vớt ra ngoài và lấy chìa khóa xe rồi lấy điện thoại di động nhãn hiệu Master màu xanh, số thuê bao 0935.774.112 gọi cho Nguyễn Đình H (điện thoại của H có nhãn hiệu Sam sung, số thuê bao 01206180485). T hỏi “Em đang ở đâu”, H nói “Em đang ở nhà, anh đang ở đâu”, thì T nói “Anh đang ở đám cưới, có chiếc xe máy không khóa, em đến đây lấy trộm đem đi cất giấu” thì H đồng ý. Khoảng 15 phút sau, H đi bộ đến, T đưa chìa khóa xe cho H, H điều khiển xe mô tô biển số 47F1-235.60 chạy về vườn ngô nhà H (cách đường liên xóm khoảng 50m) rồi giấu xe ở đó. Sau khi giấu xe xong, H gọi điện thoại cho T nói “Em giấu xe ở trong vườn ngô sau nhà em rồi”. Đến khoảng 08 giờ ngày 05/12/2016, T và H bàn nhau tháo rời xe mô tô đem bán phụ tùng để tránh việc phát hiện thì H đồng ý. T đem theo 02 cờ lê; H đem theo 01 mỏ lết 10, 01 tuốc nơ vít rồi cùng nhau đi đến nơi cất giấu xe và tháo rời các bộ phận xe như biển số, phuộc nhún và yếm chắn gió. Đến khoảng 09 giờ ngày 08/12/2016, người dân phát hiện chiếc xe mô tô tại vườn bắp nhà H, sau đó họ trình báo cho cơ quan pháp luật.

Tại Kết luận định giá số: 71/KL-GĐTS ngày 14/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện Eakar, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Novo biển số 47F1-235.60, tại thời điểm ngày 03/12/2016 trị giá 20.000.000đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Eakar đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2017, bị cáo Bùi Đình T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Đình T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Đình T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức án 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo Bùi Đình T là có phần nghiêm khắc so với hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c, đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật

Tổ tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến tranh luận bào chữa gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ, ngày 03/12/2016, bị cáo Bùi Đình T cùng với bị cáo Nguyễn Đình H, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo biển kiểm soát 47F1-235.60 của anh Nguyễn Trọng Q có giá trị 20.000.000 đồng mang đi cất giấu, sau đó tháo rời các bộ phận xe để bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Đình T và Nguyễn Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Bùi Đình T là có phần nghiêm khắc. Mặc dù bị cáo là người khởi xướng và rủ rê bị cáo Nguyễn Đình H thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo có nhân thân tốt luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tài sản thiệt hại không lớn; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, trước ngày xét xử phúc thẩm bị cáo tiếp tục bồi thường hết số tiền còn lại là 3.750.000 đồng và 500.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Đây là các tình tiết mới để xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và

răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đình T, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Đình H, mặc dù bị cáo không kháng cáo và bản án sơ thẩm cũng không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng HĐXX xét thấy mức hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả chi phí sửa xe cho người bị hại, tài sản thiệt hại không lớn, hơn nữa tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại. Để đảm bảo tính công bằng cho các bị cáo trong cùng vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c, đ khoản 1, khoản 2 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đình T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Eakar về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Bùi Đình T và bị cáo Nguyễn Đình H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện A;
- T.H.A hình sự Công an huyện Ea Kar;
- UBND xã Y, huyện Z;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Tuấn